

Bản án số: 68/2026/HS-PT

Ngày: 12/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn

Ông Nguyễn Thế Doanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 49/2026/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn B; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 9 năm 1978 tại: xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1937 và bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1942 (đã chết).

Bị cáo có vợ: Lê Thị H, sinh năm 1978 (đã chết);

Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 10/9/2025 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Nguyên G và Nguyễn Ngọc Q.
Văn phòng luật sư Lê Nguyên G – Đoàn luật sư thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Công ty TNHH P, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lộc Văn B1, chức vụ Phó giám đốc Công ty TNHH P. Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quang D - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế - UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên.

(Toà án không triệu tập).

*** Những người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Lý Thị S, sinh năm 1982.

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1982.

- Bà Nông Thị D1, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

(Toà án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 20/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn B một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B2-099.25 đi từ nhà vào khu đất trống thuộc khu vực rừng K, thôn B, N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) đốt thực bì lấy đất trồng cây Keo. Khi đi, B mang theo 01 bình phun nước dạng bình phun thuốc trừ sâu. Tại đây, B lấy cào bằng sắt và cành cây quét dọn tạo một đường băng cản lửa có độ rộng khoảng 02m, dài khoảng 40m dọc theo mép tiếp giáp giữa khu vực Bẫy định đốt và khu rừng chuối phía trên. Sau khi tạo một đường băng cản lửa, B dùng chiếc bật lửa ga bật châm lửa vào bãi cỏ thực bì đã khô để đốt. Trước và trong khi B đốt thực bì, B không thông báo cho chính quyền địa phương, không bố trí người canh gác và không có đủ dụng cụ để dập lửa khi cháy xảy ra. Do thời tiết hanh khô và gió to làm lửa bùng cháy to, lan rộng và bắt cháy vào các đám lá chuối khô ở bãi cây chuối rừng, khiến

đám cháy lan rộng. Thấy vậy B vút chiếc bật lửa ga vào đám cháy rồi chạy đi lấy chiếc bình phun nước để phun nước dập lửa. Tuy nhiên, không dập tắt được mà lửa bùng cháy to và lan rộng hơn, B đã gọi chị Hoàng Thị M và chị Lý Thị S dập lửa hộ nhưng không thành, B đã chạy xuống gần khe nước gọi và báo cho Nguyễn Văn Q1 là em trai ruột biết về việc cháy rừng và bảo Q1 lấy thêm bình phun nước vào để hộ dập lửa, anh Q1 đã mang bình phun nước vào khu vực rừng bị cháy cùng dập lửa. Do lửa cháy to và lan rộng lên phía núi đá nên mọi người không dập tắt được đám cháy. Lúc này, anh Q1 đã gọi điện cho ông Nguyễn Văn T1 là Trưởng thôn Bản Q, xã N thông báo về việc cháy rừng, ông T1 tiếp tục thông báo cho chính quyền địa phương. Hồi 14 giờ 30 phút ngày 20/01/2025, Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhận được tin báo cháy rừng và đã huy động các lực lượng phòng cháy, chữa cháy tại chỗ và bà con nhân dân tham gia chữa cháy rừng tự nhiên và rừng sản xuất thuộc sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn P và quản lý của Ủy ban nhân dân xã N, xã T. Đến khoảng 17 giờ ngày 21/01/2025, toàn bộ đám cháy được khống chế và dập tắt.

Tiến hành kiểm tra hiện trường cháy rừng, xác định: Tổng diện tích cháy là 48,14ha, quy hoạch chức năng rừng sản xuất thuộc các lô 1, 2, 3, 5, 6 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 2, 6, 11, 12 khoảnh 3, lô 1, 2, 4 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 khoảnh 10, tiểu khu D.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/01/2025, xác định: Hiện trường vụ cháy rừng xảy ra ngày 20/01/2025 tại lô 1, 2, 3, 5, 6 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 2, 6, 11, 12 khoảnh 3, lô 1, 2, 4 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 khoảnh 10, tiểu khu D, thuộc thôn K, thôn B, xã N và thôn H, xã T (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N và xã T kèm theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B).

Khu vực xuất phát cháy: Tại Lô G, khoảnh 4, tiểu khu D thuộc thôn Bản Quất, xã N phát hiện 01 đường biên trắng trên mặt đất dài 40,4m, điểm đường biên hẹp nhất là 1m, điểm đường biên rộng nhất là 2,4m. Góc Tây Nam đường biên trắng phát hiện 01 vùng than hoá màu đen trên mặt đất nối liền giữa khu vực bị rừng cháy than hoá mạnh và khoảng rừng chuối tự nhiên bị cháy, vùng than hoá có chiều rộng là 0,5m, dài 1,0m. Tại góc phía Tây Nam giáp với đường biên trắng phát hiện 01 vùng cháy than hoá mạnh các cây chuối rừng trên diện tích (7,4x3,6)m.

Diện tích rừng bị cháy lan là tại lô 1, 2, 3, 5, 6 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 2, 6, 11, 12 khoảnh 3, lô 1, 2, 4 khoảnh 4, tiểu khu D; lô 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 khoảnh 10, tiểu khu D, thuộc thôn K, thôn B, xã N và thôn H, xã T là 48,14ha, quy hoạch chức năng rừng sản xuất.

Trong đó:

+ Diện tích gỗ rừng sản xuất bị cháy, không còn khả năng phục hồi là 21,73ha, thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

+ Diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất bị cháy dưới tán, không ảnh hưởng đến cây gỗ, có khả năng phục hồi tự nhiên, không bị thiệt hại là 26,41ha.

Ngày 06/02/2025, Nguyễn Văn B đến Ủy ban nhân dân xã N đầu thú và thừa nhận do bản thân B đốt thực bì tại khu R, thôn B, xã N để lấy đất trồng cây Keo đã gây ra cháy rừng vào ngày 20/01/2025.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐ ĐGTSTTTHS ngày 08/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ), kết luận:

- Giá trị rừng sản xuất là rừng trồng Keo tai tượng 3 năm tuổi không đủ tiêu chí thành rừng diện tích 2,33 ha, thời điểm định giá ngày 20/01/2025, có giá trị tài sản là 10.385.000đ (Mười triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Giá trị rừng sản xuất là rừng trồng keo tai tượng từ tròn 10 năm tuổi nhưng không đủ tiêu chí thành rừng tổng diện tích 7,28ha; cháy toàn bộ số cây trồng, không còn khả năng phục hồi, gồm các vị trí 17, 19, 22, thời điểm định giá ngày 20/01/2025, có giá trị tài sản là 252.938.000đ (Hai trăm năm hai triệu chín trăm ba tám nghìn đồng).

- Giá trị rừng sản xuất là rừng trồng keo tai tượng dưới 10 năm tuổi không đủ tiêu chí thành rừng với tổng diện tích 7,84 ha, gồm các vị trí 24, 25, 26, 27, 28, 29, 21 và một phần diện tích vị trí 20, thời điểm định giá ngày 20/01/2025, có giá trị tài sản là 122.982.000đ (Một trăm hai hai triệu chín trăm tám hai nghìn đồng).

- Giá trị rừng sản xuất là rừng trồng keo dưới 10 năm tuổi đủ tiêu chí thành rừng, gồm các vị trí 15 và một phần diện tích vị trí 20, tổng diện tích 4,28 ha, thời điểm định giá ngày 20/01/2025, có giá trị tài sản là 288.744.141đ (Hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

Tổng cộng: 675.049.141đ (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bốn chín nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

Tại biên bản xác minh về việc cấp dự báo cháy rừng tại thời điểm ngày 20/01/2025 trên địa bàn xã C, tỉnh Thái Nguyên do Cơ quan Cảnh sát điều tra lập thể hiện: Tại thời điểm ngày 20/01/2025, tất cả các khu vực rừng trên địa bàn huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay xã C, tỉnh Thái Nguyên) đều được dự báo cháy rừng cấp V, là cấp cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng.

Về vật chứng và các tài sản khác đã thu giữ:

- 01 bình phun nước bằng nhựa màu vàng nhãn hiệu JTX-4B, phần nắp nhựa màu đen, dung tích 16 lít; có hai quai đeo màu đen, quai đeo bên phải đã bị đứt; có gắn đường dây dẫn nước màu xanh đậm dài 1,2m một đầu có van khoá nước màu đen; bình phun nước cũ đã qua sử dụng.

- 01 chiếc mũ cứng màu xanh, có quai đeo màu đen, phần trên mũ có 05 lỗ thoát khí, mũ đã qua sử dụng.

- 01 đôi ủng nhựa màu xanh, trên thân ủng có in chữ “H S”, phần đế màu vàng, ủng đã qua sử dụng.

- 01 chiếc áo sơ mi dài tay (loại áo rằn ri), phần ngực áo hai bên có túi, phần giữa áo có 1 hàng cúc nhựa gồm 4 chiếc cúc; áo đã qua sử dụng.

- 01 chiếc quần vải dài màu xanh; đã bị bụi chỉ, rách ở phần đũng quần, đầu gối trái, túi bên trái; quần đã qua sử dụng.

Tất cả số vật chứng trên hiện đang tạm giữ, bảo quản theo quy định.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 313, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Không xem xét

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 20/3/2026, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bản thân bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, hình phạt tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã chủ động nộp tiền án phí hình sự của bản án sơ thẩm. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo, cũng như tính chất của hành vi bị cáo đã thực hiện không mong muốn hậu quả đã xảy ra, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*” là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn*

hồi cải”. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là đầu thú và có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, được UBND tỉnh B (cũ) tặng Bằng khen.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã chủ động nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Thái Nguyên. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên theo hướng áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 4 năm đến 4 năm 3 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp (lớp 1), hiện bị cáo đang phải nuôi dưỡng bố đẻ 90 tuổi, bị cáo không mong muốn hậu quả cháy xảy ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã có ý thức chấp hành pháp luật chủ động nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù.

Bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể:

Khoảng 12 giờ ngày 20/01/2025 bị cáo Nguyễn Văn B một mình đi từ nhà vào khu đất trồng thuộc khu vực rừng K, thôn B, N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) đốt thực bì lấy đất trồng cây Keo. Khi đi có mang theo 01 bình phun nước (dạng bình phun thuốc trừ sâu). Trước khi đốt thực bì, B đã tạo một đường băng cản lửa có độ rộng khoảng 02m, dài khoảng 40m giáp khu rừng chuối phía trên, sau đó đã dùng chiếc bật lửa ga châm lửa vào bãi cỏ thực bì đã khô để đốt. Khi đốt thực bì không thông báo với trưởng thôn, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng, không bố trí người canh gác, không có đủ dụng cụ dập lửa theo quy định để lửa cháy bén lan sang khu rừng trồng và rừng tự nhiên thuộc sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn P và thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã N và xã T, gây cháy rừng đối với diện tích 48,14ha. Trong đó:

+ Diện tích gỗ rừng sản xuất bị cháy, không còn khả năng phục hồi là 21,73ha, thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

+ Diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất bị cháy dưới tán, không ảnh hưởng đến cây gỗ, có khả năng phục hồi tự nhiên, không bị thiệt hại là 26,41ha

Tổng giá trị thiệt hại là 675.049.141^d (Sáu trăm bảy lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn một đồng). Bị cáo đã bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn P không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào.

Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” theo điểm c khoản 2 Điều 313 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đã chủ động nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Xét thấy: Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra. Tuy nhiên, hậu quả là rất nghiêm trọng, gây thiệt hại về tài sản cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P. Do đó, cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T có nhiều thành tích được thưởng bằng khen, Huân chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và quyết định xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là phù hợp.

Tuy nhiên, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp (Lớp 1), là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hậu quả của vụ việc nằm ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã chủ động nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm của bản án sơ thẩm, cho thấy bị cáo thực sự ăn năn hối cải, chấp hành nghiêm chỉnh bản án sơ thẩm. Do vậy, có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo, vẫn bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong số tiền án phí hình sự sơ thẩm phải thi hành.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Quan điểm bào chữa cho bị cáo của các luật sư tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[8]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B, sửa bản án sơ thẩm số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 313, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn B đã nộp số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo bản án số 20/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0000702 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 6 – Thái Nguyên
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên
- THADS tỉnh Thái Nguyên;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS khu vực 6 – Thái Nguyên
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Giang